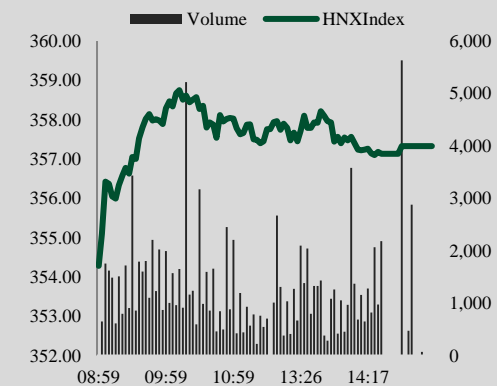
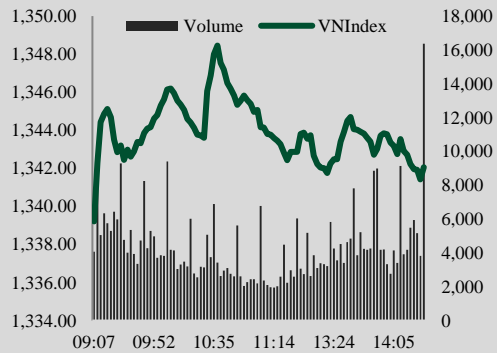


TIÊU ĐIỂM

VN Index tăng nhẹ sau khi đã rung lắc khá mạnh trong phiên. Đà tăng suy yếu vào cuối phiên ATC khi lực bán lấn át so với lực cầu mua. Thanh khoản trên thị trường hôm nay giảm nhẹ cả về khối lượng và giá trị so với phiên trước.

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,342.06	357.33
Thay đổi	0.21%	0.86%
KLGD (tr.cổ phiếu)	460.22	115.32
GTGD (tỷ VND)	14,926.60	2,531.68
Số cổ phiếu tăng giá	225	157
Số cổ phiếu đứng giá	79	53
Số cổ phiếu giảm giá	143	77

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,452.00	2.80
VN30F2M	1,451.00	4.00
VN30F1Q	1,447.80	2.80
VN30F2Q	1,444.80	3.70



VN INDEX TIẾP TỤC BẬT TĂNG NHẸ VƯỢT 1.340

- VN Index tăng nhẹ sau khi đã rung lắc khá mạnh trong phiên. Đà tăng suy yếu vào cuối phiên ATC khi lực bán lấn át so với lực cầu mua. Thanh khoản trên thị trường hôm nay giảm nhẹ cả về khối lượng và giá trị so với phiên trước.
- VN Index mở cửa khá tích cực với việc bứt phá lên sát ngưỡng cân tâm lý 1,350 điểm, nhưng lực cung mạnh ngay sau đó đã khiến chỉ số không thể vượt mốc này. Dù có một vài cổ phiếu vốn hóa lớn như PNJ, MSN, VRE... ghi nhận mức tăng khá tích cực và góp phần lớn vào đà tăng của chỉ số chung nhưng lực cầu trên thị trường vẫn là không đủ mạnh mẽ để VN Index giữ vững mức tăng tích cực như phiên sáng. Kết phiên, chỉ số VN Index đóng cửa chỉ còn tăng nhẹ 2.85 điểm (+0.21%) lên mức 1,342.06, trong khi HNX Index đạt mức 357.33 (+0.86%). Thanh khoản thị trường đạt khoảng 21,800 tỷ đồng giá trị giao dịch trên cả ba sàn.
- Thị trường tiếp tục chưa thể chinh phục được ngưỡng tâm lý 1,350 điểm kể từ đầu tháng 9. Thêm vào đó, việc dòng tiền giảm nhẹ trong những phiên này cho thấy nhà đầu tư luôn chủ động chốt lời mỗi khi chỉ số đi vào vùng kháng cự hiện tại.

Khuyến nghị

- Trong bối cảnh như vậy, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên tiếp tục ưu tiên đứng ngoài quan sát thị trường và chủ động chốt lời danh mục ngắn hạn khi đã đạt được lợi nhuận kỳ vọng và chờ đợi thêm những tín hiệu rõ ràng hơn về xu hướng tiếp theo trên thị trường trước khi quay trở lại tích lũy cổ phiếu.
- *Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q2.2021 so với cùng kỳ năm ngoái trong phần Thống kê thị trường của báo cáo này.*

Một số tin tức đáng chú ý

- **Quốc hội Mỹ 'chạy nước rút' trước thời hạn đóng cửa chính phủ.** Thượng viện Mỹ ngày 29/9 vẫn còn tranh cãi về một dự luật chi tạm thời, trong khi chỉ còn một ngày nữa để ngăn chặn kịch bản đóng cửa chính phủ. Những ngày tới được dự đoán sẽ là những ngày quan trọng nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của ông Joe Biden, khi ông sẽ phải đàm phán để thông qua hai dự luật chi không lỗ, cũng như biện pháp nâng trần nợ công mà không có sự ủng hộ của đảng Cộng hòa.
- **Khủng hoảng thiếu khí đốt đang lan rộng toàn cầu như thế nào?** Giá khí đốt - nhiên liệu được sử dụng phổ biến để sưởi ấm và phát điện - tăng chóng mặt đầu tiên ở châu Âu, rồi lan sang thị trường Mỹ và châu Á, khiến cuộc khủng hoảng thiếu năng lượng mà thế giới đang đối mặt thêm phần nghiêm trọng...

Các danh mục cổ phiếu đầu tư tham khảo

- [Danh mục cổ phiếu đầu tư ngắn hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư tăng trưởng dài hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư theo cổ tức](#)

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

MÃ	NGÀY KHUYẾN NGHỊ	TRẠNG THÁI	NGÀY MUA	VÙNG MUA KHUYẾN NGHỊ	GIÁ HIỆN TẠI	NGƯỠNG CẮT LỖ	NGƯỠNG CHỐT LỜI	ƯỚC TÍNH % LÃI/LỖ	GHI CHÚ
HT1	31/08/2021	Đang nắm giữ	07/09/2021	21.00 - 21.50	23.20	19.75	25.70	9.18%	Cổ phiếu vẫn đang nằm trong xu hướng tăng giá tích cực và nhận được sự chú ý của dòng tiền.
ILB	31/08/2021	Đang nắm giữ	08/09/2021	32.00 - 32.50	32.90	30.30	38.05	2.02%	Cổ phiếu thuộc nhóm ngành có triển vọng kinh doanh tích cực giai đoạn cuối năm 2021 và vẫn đang nằm trong xu hướng tăng giá tích cực.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN

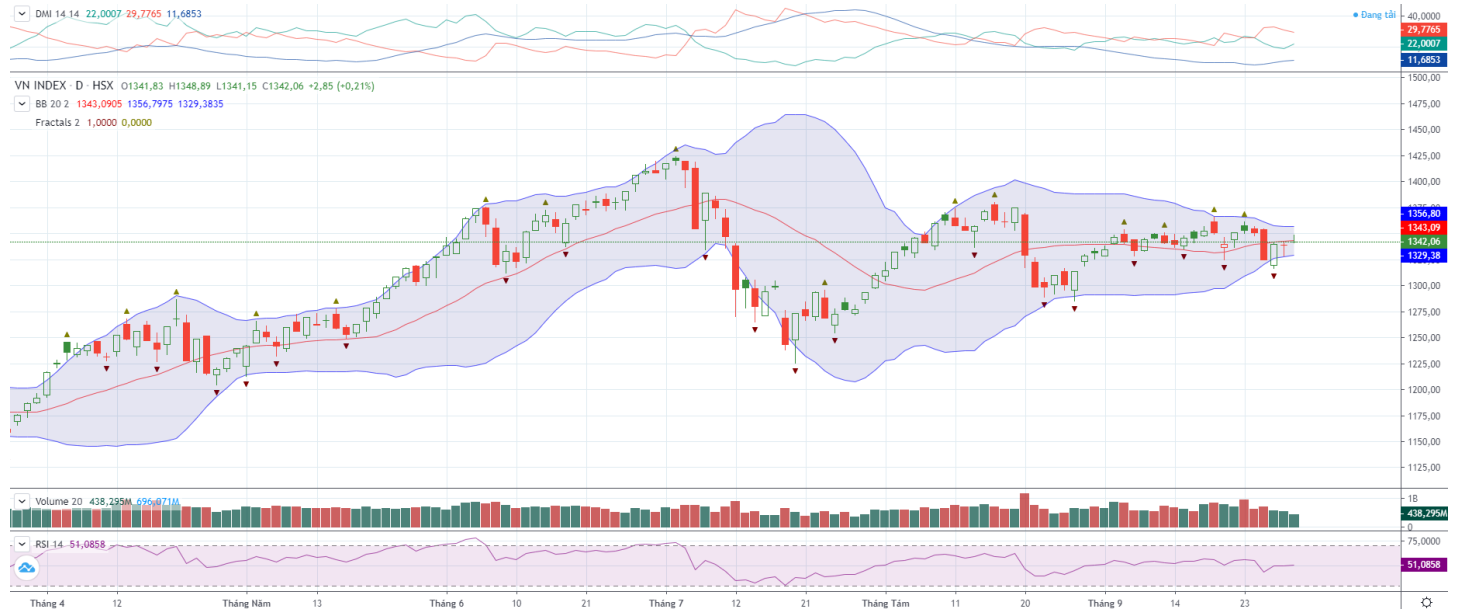
MÃ	GIÁ ĐIỀU CHỈNH (TẠI THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU KHUYẾN NGHỊ)	GIÁ MỤC TIÊU	GIÁ ĐÓNG CỬA HIỆN TẠI	% ƯỚC TÍNH LÃI/LỖ	ROA %	ROE %	EPS 2020 (nghìn VND)	P/E	P/B	Ghi chú
TPB	33.85	46.70	41.60	22.90%	2.02	24.68	3.40	9.91	2.20	
TCB	49.50	67.50	49.60	0.20%	3.59	21.50	3.52	10.75	2.09	
PET	20.80	32.00	150.90	625.48%	17.97	24.68	4.99	25.71	5.78	
LHG	48.40	58.80	49.60	2.48%	4.36	6.68	1.15	36.55	2.43	
TV2	44.30	61.10	29.90	-32.51%	1.66	2.28	0.20	153.33	3.46	
PC1	25.10	42.50	44.25	76.29%	12.91	37.07	1.39	6.52	2.08	Điều chỉnh tăng giá mục tiêu theo báo cáo cập nhật mới nhất
PGV	25.68	35.30	26.80	4.36%	3.14	11.52	1.53	12.60	1.44	Bổ sung ngày 31/08/2021
GMD	43.60	50.10	48.90	12.16%	12.41	25.93	3.66	7.22	1.72	Đã vượt Giá mục tiêu
SZC	38.60	45.60	47.00	21.76%	5.86	19.72	1.68	18.82	3.53	Đã vượt Giá mục tiêu
DGC	83.00	150.00	38.70	-53.37%	5.58	17.46	2.68	11.23	1.70	Đã vượt Giá mục tiêu
CSV	41.30	54.20	54.50	31.96%	9.48	24.30	5.82	9.16	2.04	Đã vượt Giá mục tiêu
NKG	32.00	44.00	44.25	38.28%	12.91	37.07	1.39	6.52	2.08	Đã vượt Giá mục tiêu

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ THEO CỔ TỨC

MÃ	GIÁ ĐÓNG CỬA PHIÊN HÔM NAY	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT/MỆNH GIÁ NĂM 2020	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT 2020 / GIÁ HIỆN TẠI	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B	GHI CHÚ
DVP	56.50	25.00%	4.42%	16.33	19.16	5.94	9.77	1.84	
FOC	119.00	200.00%	16.81%	18.98	24.16	9.99	11.92	2.69	
GHC	27.70	27.00%	9.75%	7.85	18.68	3.56	7.78	1.62	
HLD	34.00	10.00%	2.94%	10.15	14.54	3.71	10.18	1.52	
LHG	48.90	15.00%	3.07%	12.41	25.93	3.66	7.22	1.72	*: Ước tính cho năm 2020
NCT	83.60	75.00%	8.97%	39.77	45.99	7.49	10.23	5.07	
NT2	20.60	25.00%	12.14%	4.66	7.27	2.10	18.85	1.44	
RAL	202.90	50.00%	2.46%	9.80	37.48	29.23	6.16	2.11	
PPC	22.95	20.00%	8.71%	13.08	15.64	3.15	8.61	1.50	
VEA	41.50	35.00%	8.43%	18.35	21.41	4.17	9.96	2.20	*: Ước tính cho năm 2020

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

VN Index



VN Index tiếp tục dao động dưới đường MA 20 ngày, bên cạnh đó, đường EMA 10 ngày cũng bắt đầu cho tín hiệu cắt xuống đường MA 50 ngày, và chỉ báo ADX14 cũng cho thấy xu hướng giảm đang chiếm ưu thế. Chúng tôi cho rằng VN Index sẽ tiếp tục điều chỉnh trong tuần này. Ngưỡng kháng cự tại 1,350 – 1,360, ngưỡng hỗ trợ tại 1,270 – 1,280.

Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	PNJ	96.10	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dùng lỗ: 91.30 Chốt lời: 110.50



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VIC	88,000	1.50	1.331	3.40MLN
MSN	142,600	1.13	0.508	754,600
VRE	29,100	2.83	0.501	5.66MLN
DGC	150,900	5.45	0.359	828,200
PNJ	98,700	5.79	0.331	1.79MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	26,600	2.31	1.482	10.30MLN
THD	228,000	0.31	0.277	571,100
PVS	28,300	1.43	0.144	9.93MLN
BII	17,800	9.88	0.118	3.42MLN
BAB	22,000	0.46	0.102	45,900

TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VCB	97,200	-1.32	-1.297	1.20MLN
BID	39,450	-1.13	-0.487	1.10MLN
HPG	52,900	-0.75	-0.481	23.15MLN
VIB	35,350	-1.67	-0.251	2.05MLN
POW	11,950	-2.05	-0.158	9.28MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VIT	14,000	-9.09	-0.048	81,800
NET	64,000	-11.72	-0.043	25,700
HLD	34,000	-7.36	-0.037	53,600
TAR	24,000	-2.83	-0.032	1.14MLN
VNR	38,300	-2.30	-0.031	86,800

TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
TMS	6,311.74	67,400	96,300	6.98
BTP	1,067.57	17,650	131,800	6.97
HVX	352.13	8,480	109,000	6.94
DCM	14,002.63	26,450	10,520,100	6.87
EVG	1,275.75	12,150	1,160,900	6.58

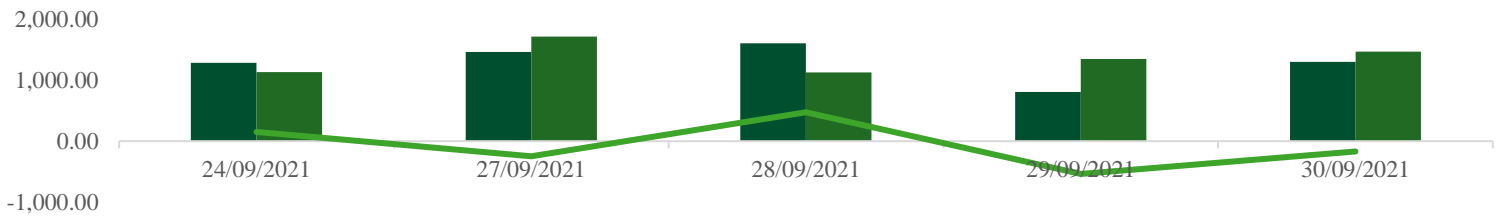
HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
CSC	1,647.33	72,200	205,900	9.89
NBP	186.55	14,500	110,200	9.85
SMT	141.06	25,800	180,100	9.79
VKC	352.81	18,300	1,267,900	9.58
VC7	497.27	20,700	568,300	9.52

TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q2.2020 (Tỷ VND)	LNST Q2.2021 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	NKG	44.25	5,894,600	17.30	847.51	4798.90%
2	SMC	49.95	403,000	41.83	532.29	1172.51%
3	HSG	46.50	9,667,300	318.11	1,701.82	434.98%
4	LPB	21.65	2,708,800	320.63	740.49	130.95%
5	OCB	23.90	2,307,100	605.70	1,107.92	82.92%
6	TCB	49.60	5,275,100	2,889.00	4,806.66	66.38%
7	TPB	41.60	6,327,900	817.85	1,268.92	55.15%
8	VPB	65.90	6,847,300	2,951.02	4,016.36	36.10%
9	GAS	97.00	1,244,900	1,828.02	2,301.38	25.89%
10	MBB	27.85	6,644,600	2,389.66	2,730.50	14.26%

Hoạt động khối ngoại trên HSX, HNX, UpCom



TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VNM	89,600	199.40	117.13	82.27
HSG	46,500	64.30	0.90	63.40
DCM	26,450	39.39	3.73	35.66
VRE	29,100	110.52	80.79	29.73
VIC	88,000	81.26	54.66	26.60

TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
HPG	52,900	115.43	297.77	182.33
VCB	97,200	14.73	92.66	77.94
E1VFN30	24,550	2.60	54.57	51.97
HDB	25,400	8.28	47.93	39.65
DPM	36,800	0.13	30.83	30.70

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
THD	228,000	3.92	-	3.92
PVI	48,500	2.82	0.11	2.71
CEO	10,300	2.34	0.10	2.24
SHB	26,600	1.62	-	1.62
MBG	10,500	1.58	0.07	1.50

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
PVS	28,300	0.20	1.05	0.85
NVB	27,100	0.34	2.04	1.70
VNR	38,300	0.01	0.67	0.67
PGS	28,500	-	0.53	0.53
ACM	3,500	0.10	0.59	0.50

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
ACV	83,100	2.10	-	2.10
VTP	81,300	1.40	0.03	1.38
ABI	67,000	1.04	-	1.04
CLX	22,400	1.00	-	1.00
WSB	59,500	0.92	-	0.92

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
QNS	51,300	8.25	12.77	4.52
VEA	41,500	0.83	4.28	3.45
SIP	136,500	-	1.50	1.50
BSR	19,800	0.02	1.43	1.41
MML	87,200	-	0.52	0.52

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Nguyễn Hoàng Minh

Chiến lược gia thị trường

nhminh@vcbs.com.vn

Mai Ngọc Kha

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

mnkha@vcbs.com.vn

Hoàng Tùng Vũ

Chuyên viên phân tích thị trường

htvu@vcbs.com.vn



**Ra mắt
VCBS Mobile
Hoàn toàn mới
Ưu đãi ngập tràn**

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



Trụ sở chính Hà Nội

Tầng 12&17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 12, số 251 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1 & 7, Tòa nhà Green Star số 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh



Hotline: 1900 98 9999



Website: www.vcbs.com.vn

